

VIỆC THỜ BIỂU TƯỢNG TRONG HINDU GIÁO

Tóm tắt: Những niềm tin Hindu giáo, những hình thức thờ phượng, sự đa dạng của các nghi lễ và phong tục được nuôi dưỡng và phát triển một cách hài hòa với hệ thống vô số biểu tượng. Biểu tượng diễn đạt ý nghĩa của một thực tại sâu hơn và tinh tế hơn so với lời nói hay chữ viết. Càng đi sâu vào lĩnh vực tâm linh càng đến gần biểu tượng. Biểu tượng chính là ngôn ngữ của tôn giáo. Biểu tượng Hindu giáo có cả phi nhân dạng (aniconic) và nhân dạng hay thánh tượng (iconic). Biểu tượng phi nhân dạng đơn giản là những biểu tượng không có hình dạng con người, được dùng thay thế hình ảnh các vị thần trong thờ phượng. Đây chỉ là một phần nhỏ trong hệ thống biểu tượng Hindu giáo, tuy nhiên, chúng xuất hiện từ rất sớm và được dùng thay thế sự hiện diện của các vị thần trong giai đoạn tiểu tượng học chưa phát triển. Biểu tượng Hindu giáo chính là ngôn ngữ của con tim nối kết con người với Đấng Siêu Việt, là nhịp cầu nối giữa cá nhân và cộng đồng, là cửa ngõ giúp chúng ta dễ dàng ngắm nhìn quang cảnh đời sống đức tin và giá trị văn hóa của tôn giáo này. Hiểu biết về quá trình thờ phượng những biểu tượng trong Hindu sẽ giúp chúng ta vượt qua những rào cản ngôn ngữ để hiểu hơn phần nào về văn hóa và con người của đất nước Ấn Độ.

Từ khóa: Hindu giáo, Vệ đà, biểu tượng, ảnh tượng, Ấn Độ

Dẫn nhập

Hindu giáo thời kỳ đầu sử dụng nhiều loại ngôn ngữ thị giác từ những biểu tượng khá đơn giản đến những hình ảnh phức tạp. Các biểu tượng một mặt hàm chứa những giá trị trung tâm, chủ đề và tư

* Khoa Du lịch, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

Ngày nhận bài: 18/3/2024; Ngày biên tập: 21/3/2024; Duyệt đăng: 26/4/2024.

tưởng triết lý Hindu giáo, mặt khác, chúng góp phần để xác định và truyền bá tôn giáo. Tư tưởng triết lý sâu xa của biểu tượng được giữ gìn và phát triển theo dòng lịch sử của tôn giáo này. Việc nghiên cứu biểu tượng Hindu giáo được nhiều học giả trên thế giới quan tâm. Các học giả châu Âu là những người đầu tiên nghiên cứu ngôn ngữ biểu tượng trong các huyền thoại, sử thi Hindu, có thể kể đến như Bartholomaeus Ziegenbalg, George Foster, Edward Moor, W.O. Simpson, W. J. Wilkins... lần lượt với các tác phẩm *Genealogy of the South Indian Deities* 1713 (tạm dịch: Phả hệ của các vị thần Nam Án), *Sketches of the Mythology and Customs of the Hindus* 1785 (Phác họa thần thoại và phong tục Hindu), *The Hindu Pantheon* 1810 (Điện chư thần Hindu), *Ancient and Hindu mythology* 1864 (Thần thoại cổ đại và Hindu), *Hindu mythology, Vedic and Puranic* 1882 (Thần thoại Hindu, kinh Veda và Purana)... Năm 1914, một học giả người Án, T. A. Gopinatha Rao, đã công bố một nghiên cứu đồ sộ: *Elements of Hindu Iconography* (Những nguyên lý của tiểu tượng học Hindu giáo). Tác giả đã phân tích kỹ lưỡng nguồn gốc, ý nghĩa triết lý sâu xa của nghệ thuật ảnh tượng trong các đền thờ Hindu.

Một học giả khác có ảnh hưởng trong nền triết học Ấn Độ là I. K. Taimni. Ông đã viết *An Introduction to Hindu Symbolism* (Nhập môn biểu tượng Hindu giáo) năm 1980. I. K. Taimni đưa ra những nguyên tắc chung trong việc tìm hiểu biểu tượng Hindu giáo. Theo ông, việc nghiên cứu biểu tượng hầu như là vấn đề giải thích dựa trên những quan điểm triết học và tôn giáo chứ không phải là những cuộc điều tra mang tính khoa học. Ông còn phân loại biểu tượng trong Hindu giáo ra thành hai loại: biểu tượng tĩnh và biểu tượng động. Biểu tượng tĩnh là sử dụng một hình thức để tượng trưng cho cái được miêu tả. Biểu tượng động chính là những câu chuyện ngụ ngôn. Đây là công trình có giá trị cho những sinh viên nghiên cứu Thánh kinh Hindu và cũng là cơ sở lý luận trong việc tiếp cận nghiên cứu biểu tượng Hindu giáo.

Nhà Ấn Độ học nổi tiếng của phương Tây, Heinrich Zimmer, tác giả của *Philosophies of India* (Triết học Ấn Độ), có một đóng góp quan trọng trong việc nghiên cứu nghệ thuật biểu tượng Hindu giáo. Zimmer đã có những bài giảng về chủ đề này tại Đại học Columbia trong năm 1942. Sau khi ông qua đời năm 1943, Joseph Campbell đã biên soạn lại những bài giảng này cũng như những tài liệu chưa hoàn thành của Zimmer và cho xuất bản trong tập *Myths and Symbols in*

Indian Art and Civilization (Huỳn thoại và biểu tượng trong nghệ thuật và văn minh Ấn Độ). Quyển sách góp phần làm sáng tỏ ngôn ngữ biểu tượng trong các truyền thuyết, huỳn thoại, văn học dân gian của Ấn Độ. Năm 1983, Central Chinmaya Mission Trust cho ra mắt ấn phẩm *Symbolism in Hinduism* (Biểu tượng trong Hindu giáo). Tập sách gồm nhiều bài viết của các tác giả uy tín, được Swami Nithyananda tuyển chọn xoay quanh chủ đề về biểu tượng Hindu giáo. Mỗi chữ thần trong các bộ kinh sách, huỳn thoại, sử thi Hindu được biểu hiện qua những hình ảnh hoặc biểu tượng thiêng liêng và được thờ phượng dưới nhiều hình thức khác nhau.

Một công trình nghiên cứu biểu tượng Hindu giáo cũng được nhiều người biết đến là *Sacred Hindu Symbols* (Những biểu tượng Hindu linh thiêng), của hai tác giả Gautam Chatterjee và Sanjoy Chatterjee, được xuất bản lần đầu tiên tại Ấn Độ năm 1996. Các tác giả đã giới thiệu và giải thích ý nghĩa của hệ thống các biểu tượng phổ biến trong Hindu giáo dựa trên những bản văn cổ, kết hợp với quan điểm của các triết gia, học giả và nhà sử học trước đó. Nhờ đó, người đọc có thể hiểu nền tảng Triết học và Khoa học xã hội sâu rộng của những biểu tượng này.

Từ nền tảng giải thích của các triết gia, của những nhà nghiên cứu biểu tượng Hindu giáo, từ những cứ liệu khảo cổ, nghệ thuật Hindu giáo, kết hợp với những tư liệu thành văn về đời sống cộng đồng Hindu giáo ở Ấn Độ, bài viết là kết quả tổng hợp, phân tích và so sánh để đưa ra một cái nhìn về lịch sử quá trình hình thành việc thờ phượng các biểu tượng trong Hindu giáo, từ giai đoạn phi thánh tượng đến thánh tượng. Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa, triết học, tôn giáo Hindu khẳng định rằng, nếu muốn hiểu rõ bản chất thực sự của Hindu giáo, cần phải hiểu khoa học biểu tượng của tôn giáo này. Thiếu sự hiểu biết đó, có thể các biểu hiện của Hindu giáo sẽ bị nhìn nhận như những thứ tối nghĩa và vô lý. Đồng thời, việc tìm hiểu vai trò của ảnh tượng trong thực hành tôn giáo Hindu cũng giúp người đọc hiểu sâu sắc hơn về văn hóa và con người của đất nước Ấn Độ.

1. Quá trình thờ biểu tượng trong Hindu giáo

Lịch sử phát triển Hindu giáo trải qua nhiều giai đoạn. Hindu giáo khởi nguồn từ tôn giáo Vệ đà (Vedism). Giai đoạn Vệ đà (khoảng 1500 – 700 trước Công nguyên) được xem là giai đoạn thần thoại vũ

trụ quan. Thờ phượng Vệ đà gắn với sùng bái sức mạnh của thế giới tự nhiên: thần Lửa (Agni), thần Sấm (Indra), thần Mặt trời (Surya)... Tiếp đến, sự xuất hiện lần lượt của các bộ Upanishads đánh dấu bước chuyển biến từ tôn giáo Vệ đà sang một hình thức mới là Bàlamôn giáo (Brahmanism – khoảng 700 đến 200 trước Công nguyên), từ thế giới quan thần thoại sang tư duy triết học, đi sâu vào đời sống tôn giáo. Nội dung chính của Upanishad chú trọng về tri thức tuyệt đối Brahman, linh hồn vũ trụ. Brahman là đại ngã, vừa mang tính siêu việt, vừa mang tính nội tại trong linh hồn cá nhân của mỗi người, là tiểu ngã Atman. Khi Atman đồng nhất với Brahman, con người sẽ đạt đến tri thức tuyệt đối. Tôn giáo Bàlamôn thờ phượng Ba Ngôi Tối Linh: Thần Sáng tạo Brahma, Thần Bảo tồn Vishnu và Thần Hủy diệt Shiva. Có sáu trường phái triết học của Bàlamôn chính thống, trong đó, trường phái Vedanta dựa trên cơ sở triết lý căn bản của Upanishad, Bhagavad Gita sau này đã tiếp tục phát triển lên giai đoạn cuối cùng là Hindu giáo (Hinduism – khoảng 200 trước Công nguyên đến nay). Hindu giáo định hình với bốn trường phái chính là phái Vishnu (Vaishnavism – thờ phượng Đấng Tối Cao Vishnu), phái Shiva (Shaivism – thờ phượng Shiva), phái Shakti (Shaktism – thờ phượng Thần Mẹ) và phái Smarta (Smartism – thờ phượng Đấng Tối Cao trong sáu hình thức: Ganesha, Shiva, Shakti, Vishnu, Surya và Skanda (cũng được biết đến là Kartikeya, Kumara hay Subrahmanya) [Omesh K. Chopra, 2020: 410]. Ngày nay, theo cách hiểu thông thường, Hindu giáo được dùng để chỉ cho cả chiều dài lịch sử tôn giáo này.

Quá trình thờ phượng ảnh tượng trong các tôn giáo luôn diễn ra rất tự nhiên và chịu tác động của nhiều nhân tố. Nhận xét về quá trình thờ phượng ảnh tượng trong Hindu giáo, Sri KPC Anujan Bhattathiripad có sự phân định: “Ở thời kỳ vàng Kṛta-yuga, việc thờ phượng chỉ nằm trong tâm trí... ở giai đoạn tiếp theo Tretā yuga (thời kỳ bạc), việc thờ phượng thông qua nghi thức thờ lửa... và ở thời kỳ Dvāpara-yuga (suy tàn, đông), ... đó là thời kỳ của đền thờ và việc thờ phượng biểu tượng bắt đầu, thời kỳ phân biệt giữa thần nam và thần nữ. Trong khi trước đây, các vị thần không có sự phân biệt ấy... vậy nên việc thờ phượng ảnh tượng là mới đây ở Ấn Độ”. [Phyllis Granoff, Koichi Shinohara, 2004: 57].

Ở thời kỳ đầu của Hindu giáo, các bản văn và bằng chứng khảo cổ cho thấy sự thiếu vắng việc thờ phượng ảnh tượng. Không có bằng

chúng gì về các thần tượng, tượng trưng cho các vị thần hay những thuộc tính của họ. Không có một đền thờ hay những công trình cố định cho các nghi lễ Vệ đà, mặc dù có nhiều nghi lễ phức tạp. Điều quan trọng nhất là việc tụng niệm các Thánh thi Vệ đà trong các nghi lễ. Trong các bản văn Samhitas (Rig, Sama, Yajur và Athrava Vệ đà) rất hiếm khi nhắc đến bất kỳ cái gì có thể được hiểu như một ảnh tượng để thờ phượng và trong các bản văn Balamôn cũng không miêu tả gì về việc thờ phượng ảnh tượng. Nhà nghiên cứu Max Muller đã nhấn mạnh: “Tôn giáo Vệ đà là phi thánh tượng. Việc thờ phượng ảnh tượng ở Ấn Độ là sự hình thành giai đoạn hai, một sự giảm sút sau này của việc thờ phượng nguyên thủy những vị thần tượng tượng” [Noel Salmond, 2004: 15].

Nghiên cứu bản văn Rig Vệ đà, Thánh kinh đầu tiên của Hindu giáo, có thể thấy việc thờ phượng ảnh tượng hầu như không được đề cập tới. Những nghi lễ chủ yếu liên quan đến lửa, biểu tượng phi nhân dạng tự nhiên hơn là nhân hình. Trong văn hóa Aryan thời kỳ đầu, mỗi ngôi nhà là một nơi thờ phượng và địa điểm quan trọng nhất trong ngôi nhà là đền thờ thần lửa trung tâm chứ không phải hình ảnh. Nhiều học giả cho rằng văn hóa Vệ đà giống với Zoroastrian (Hỏa giáo) vốn phi ảnh tượng một cách mạnh mẽ [David Frawley, 1991: 196]. Mặc dù, việc thực hành tôn giáo thì phi thánh tượng nhưng ngôn ngữ văn chương Rig Vệ đà thì đầy hình tượng. Các vị thần được nhân cách hóa như những con người có tâm trí và có cuộc sống riêng của họ. Các vị thần được miêu tả trong hình dáng con người, nắm vũ khí trong tay và mặc những trang phục. Họ sở hữu các đặc tính của con người và động vật nhưng tượng trưng cho sự siêu việt. Tuy nhiên, họ chỉ biểu lộ cho con người thông qua những hiện tượng tự nhiên có thể nhận biết được. Hình ảnh của các vị thần Vệ đà dường như chỉ nằm trong tư tưởng và được miêu tả trong các thánh thi nhưng không được thể hiện bằng những hình thức hữu hình [Ananda K. Coomaraswamy, 1927: 290-293]. Dù tin vào Đấng Siêu việt trong hình thức con người, nhưng con người không thể nhìn thấy thần linh bằng đôi mắt thể lý mà bằng đôi mắt tinh thần của tâm hồn.

Như vậy, hình ảnh miêu tả các vị thần như những con người chỉ dừng lại trong ngôn ngữ văn chương. Những lời dạy siêu hình của Upanishads nhấn mạnh về sự vô hình của Đấng Tuyệt đối mà họ gọi là

Brahma. Tôn giáo Vệ đà không chỉ khước từ ảnh tượng mà trong nhiều thế kỷ còn hạn chế việc ghi chép những học thuyết riêng tư từ Upanishads, bắt nguồn từ cảm giác cho rằng, việc Mặc khải các huyền nhiệm là quá thiêng liêng đối với bất kỳ phương tiện suy tưởng vật chất nào. Nó chỉ có thể được truyền đạt trực tiếp từ tâm hồn đến tâm hồn và chỉ có thể nhận ra bằng chiêm niệm sâu kín. Những nghi lễ Balamôn chính thống không cho phép một hình ảnh của Đấng Tối cao được thờ phượng. Mặc dù không có bản văn nào cấm một cách rõ ràng việc sử dụng các ảnh tượng trong thờ phượng, nhưng nguyên nhân tôn giáo Vệ đà phi thánh tượng là xuất phát từ tư tưởng Vệ đà cho rằng các vị thần tối cao được cho là siêu việt và vô hình. Quan điểm về một sức mạnh siêu nhiên vô hình, không thể nhận ra đồng nghĩa các vị thần tự nhiên này không thể miêu tả. Cũng giống như Do Thái giáo, vị thần có thể so sánh như một cơn gió, có thể tác động đến các đối tượng nhưng không thể quan sát như một đối tượng cụ thể. Vì vậy, tín đồ Balamôn ngại dùng những ảnh tượng trong thờ phượng [Yuvraj Krishan, 1996: 9].

Mặc dù, vắng bóng những tác phẩm điêu khắc bằng đá, một số lượng lớn những hình ảnh bằng đất nung đã được khai quật và xác định niên đại 2000 - 300 trước Công nguyên (TCN), chúng có thể được sử dụng trong lễ dâng cúng dành riêng cho đền thờ nữ thần hay những vị thần phi Vệ đà. Nếu nghi lễ Vệ đà không liên quan đến hình ảnh các vị thần hay yêu cầu nơi thờ phượng cố định, thì trái lại, những bằng chứng khảo cổ từ vùng văn minh sông Ấn cho thấy hình ảnh các vị thần như một phần quan trọng trong cuộc sống của con người. Người ta đã biết sử dụng những hòn đá cuội để tượng trưng cho người đã khuất. Thần Mẹ, nữ thần của mùa màng và sinh nở được xem là trung tâm của việc thờ phượng. Vị thần này được miêu tả trên các đồ gốm và con dấu được khai quật ở Harappa bằng hình ảnh một cái cây mọc ra từ trong lòng của bà. Ngoài ra, trong văn minh thung lũng sông Ấn, các nhà khảo cổ đã phát hiện thấy nhiều hình ảnh được cho là dùng trong các nghi lễ liên quan đến việc thờ Shiva: tượng dương vật, hình ảnh bò đực, cừu đực, rắn... Các nhà khảo cổ còn phát hiện được một hình ảnh nhân dạng được cho là của thần Shiva với ba gương mặt. Hình ảnh trong con dấu Indus này Sir John Marshall gọi là 'Proto-Shiva'. Người khác cho rằng, đây có thể là miêu tả về một vị thần sông Ấn mà tên gọi và đặc tính hoàn toàn không biết đến [Gregory L. Possehl, 2002: 141].

Bên cạnh những biểu tượng sinh sản ngụ ý sự hiện diện của thần Mẹ hay thần Đất, và thần Shiva, văn minh sông Ấn dường như gắn ý nghĩa tôn giáo cho những động vật cụ thể như con cọp, con trâu, con voi và bò đực cũng như biểu tượng thiêng liêng như chữ vạn (svastika). Theo nhà nghiên cứu Heather Elgood, tín đồ Bàlamôn, dân làng và cộng đồng bộ lạc vào thời đó vẫn thờ phượng các hình ảnh và duy trì các nghi lễ tạ ơn, sự phong phú các hình ảnh và một địa điểm cụ thể dành cho việc tế lễ chắc chắn đã tồn tại trong suốt giai đoạn Vệ đà ở làng hay các bộ lạc, với một cách thức hoàn toàn khác so với những nghi lễ hiến sinh do các tư tế Vệ đà thực hiện [Heather Elgood, 2000: 14]. Thật khó để thiết lập một sự tiếp diễn rõ ràng trong việc phát triển tư tưởng ở Ấn Độ bắt đầu từ văn minh sông Ấn đến ngày nay, tuy nhiên, từ những bằng chứng khảo cổ, có thể phân biệt truyền thống phi Aryan, phi Vệ đà về việc thờ phượng ảnh tượng đã tồn tại từ sớm và góp phần vào việc hình thành tư tưởng Hindu giáo ngày nay. Ramaprasad Chanda lập luận: “Các cuộc khai quật tại Harappa và Mohenjo Daro đã đem ra ánh sáng nhiều bằng chứng phong phú cho thấy rằng, việc thờ phượng những hình ảnh con người và thực thể siêu nhiên trong tư thế du già, cả ngồi và đứng, thịnh hành ở thung lũng sông Ấn vào thời kỳ Đồ Đồng Đá¹. Bằng chứng việc này là các con dấu mang hình ảnh trong tư thế du già có sự tham dự của những người thờ phượng” [Noel Salmond, 2004: 14].

Thế thức Hindu giáo bắt đầu có sự thay đổi mạnh trong những thế kỷ đầu Công nguyên khi cả Hindu giáo, Phật giáo và Jain giáo đều bắt đầu tạo ra hình ảnh của các vị thần với những nghi thức sùng kính. Hindu giáo dần đồng hóa hình ảnh nhân dạng vào việc thực hành tôn giáo, và cuối cùng thiết lập một tiểu tượng học tôn giáo bao gồm các yếu tố tượng trưng và biểu tượng. Từ việc tôn thờ các vị thần thông qua những biểu tượng phi nhân dạng: linga – biểu tượng của thần Shiva, salagrama – biểu tượng của thần Vishnu... những bức tượng bằng đá đơn giản đầu tiên về các vị thần Hindu được xác định là vào thời kỳ Kushan (thế kỷ II – III), tiếp đến các vị thần được điêu khắc và các đền thờ đầu tiên được xây dựng bằng đá và gạch vào đầu thời kỳ Gupta (thế kỷ IV – VII). Gupta là thời kỳ phát triển rực rỡ của nghệ thuật ảnh tượng và được xem là thời kỳ vàng son của nghệ thuật Ấn Độ. Tiểu tượng học hay nghệ thuật tạo hình phát triển dựa trên một quy tắc của các biểu tượng. Từ các hình học đơn giản như hình vuông,

hình tròn, hình tam giác, những hình thức nhân tạo và tự nhiên đến hình tượng người được sử dụng như biểu tượng của các vị thần được đưa vào dùng trong các lễ nghi tôn giáo. Mọi thứ đều có thể trở thành vật thờ phượng, nhưng về cơ bản mọi người thường lựa chọn hình ảnh hay biểu tượng nào có khả năng nâng cao tâm trí trong cầu nguyện.

Dưới triều đại Gupta, bên cạnh một số quan điểm nguyên thủy vẫn còn được chấp nhận, đền thờ trở thành tâm điểm của xã hội và đời sống tôn giáo. Từ thế kỷ thứ VIII, trong khi người Bàlamôn Vệ đà vẫn nhận đất được cấp để thực hiện một số nghi lễ nhỏ thì phần lớn những người thuộc hoàng gia và các thành phần ưu tú đã chuyển hướng làm ra những đền thờ nơi đó những vị thần lớn của Hindu như Vishnu, Shiva và các nữ thần cư ngụ trong những ảnh tượng của họ. Trong giai đoạn này, những đền thờ bằng đá đầu tiên đã được xây dựng. Đền thờ Durga ở Aihole gần Badami và đền thờ Vishnu ở Deogarh với hình ảnh nổi tiếng về vị thần Vishnu tựa đầu trên rắn Sesa. Có thể nói, sự phát triển thánh tượng song hành cùng với sự phát triển đền thờ [Diana L. Eck, 1981: 39]. Cũng giống như các tôn giáo khác, đã có những quan điểm trái chiều và những cuộc tranh luận về việc thờ ảnh tượng trong Hindu giáo. Đặc biệt, Bàlamôn chính thống trung thành với truyền thống thờ phượng phi ảnh tượng của Vệ đà và suy ngẫm về một Đấng Tuyệt đối vô hình đã chống lại đề xuất những tranh ảnh thánh. Tuy nhiên, các nhà sử học Ấn Độ đều đồng thuận rằng, việc thờ phượng ảnh tượng dần trở nên phổ biến và được chấp nhận như một sự nhượng bộ đám đông.

Nguyên nhân hình thành ảnh tượng trong Hindu giáo bao gồm hai yếu tố ngoại sinh và nội sinh. Nguyên nhân ngoại sinh là do ảnh hưởng của văn hóa Hy Lạp xâm nhập vào Ấn Độ. Phật giáo có thể xem là tôn giáo tiên phong thực hiện sự thay đổi từ việc miêu tả Đức Phật trong hình thức biểu tượng phi nhân dạng sang hình ảnh nhân dạng. Phật giáo đã dung hòa bản chất siêu việt của Đức Phật với hình ảnh con người. Mặc dù, lúc đầu Phật giáo vẫn chịu ảnh hưởng của truyền thống phi thánh tượng Vệ đà, phục hưng sau cuộc chinh phục Ấn Độ của Alexandre Đại Đế năm 326 TCN, sự miêu tả nhân hình của Phật giáo đã bắt đầu xuất hiện. Sau khi Alexandre Đại Đế chinh phục Bắc Ấn, vùng Gandhara trở thành nơi hỗn cư của cả truyền thống Phật giáo và Hy Lạp. Tại thời điểm này, dường như nghệ thuật Gandhara đã dung hợp với chủ nghĩa hiện thực Hy Lạp. Những tác phẩm được tạo

ra trong suốt giai đoạn ảnh hưởng Hy Lạp với nội dung từ chủ nghĩa thần bí Ấn Độ và hình thức là chủ nghĩa hiện thực Hy Lạp [Yuvraj Krishan, 1996: 29].

Richard Foltz đã đưa ra những bằng chứng của sự tương tác Ấn – Hy ở vùng Gandhara. Những người Hy Lạp thực dân đến vùng này định cư đã mang theo các đồng tiền đúc khắc họa hình ảnh văn hóa đa thần của họ và nó đã ảnh hưởng đến việc đúc tiền của Ấn Độ sau này. Ngược lại, vị vua Antialcidas, đại diện cho Hy Lạp đã dựng một trụ đá để tỏ lòng thành kính với thần Vishnu ở Besnagar [Richard Foltz, 2010: 43]. Những việc này cho thấy sự tương tác qua lại mạnh mẽ văn hóa Ấn – Hy. Sau khi kẻ cai trị Hy Lạp ở Gandhara bị thay thế bởi các triều đại Kushans thì nghệ thuật tạo hình Phật giáo bắt đầu phát triển. Những bức họa đã được khắc trên các đồng tiền trong suốt triều đại Kushan từ năm 30 – 375. Cùng với đó, những ảnh hưởng mạnh mẽ của việc miêu tả nhân hình Hy Lạp góp phần làm cho nghệ thuật Phật giáo bỏ lại đằng sau truyền thống Vệ đà để tiếp thu văn hóa Hy Lạp thông qua việc thể hiện các vị thần trong hình thức nhân dạng [Yuvraj Krishan, 1996: 29; 34].

Sự phát triển của Phật giáo trở thành một tôn giáo quốc gia từ triều đại Maurya ở thế kỷ thứ III TCN đã làm suy giảm sự phổ biến của những nghi lễ sống và quyền lực của giáo sĩ Bàlamôn. Đứng trước thực trạng đó, các nhà lãnh đạo Hindu giáo đã nhận ra lợi ích của việc sử dụng hình ảnh và đền thờ trong việc phát triển tôn giáo. Hình ảnh vị thần trong các kinh Vệ đà được những vị hiền giả và nhà tiên tri cố gắng khắc họa thành hình ảnh thực để họ tôn kính và tạ ơn. Đó là những vị thần cai quản các lực lượng thiên nhiên chẳng hạn như Varuna (thần biển), Indra (thần mưa), Surya (thần mặt trời), Vayu (thần gió), ... Sau đó, với câu thần chú (mantra) và nghi lễ phức tạp, các nhà tiên tri sẽ gọi mỗi vị thần vào trong những hình ảnh, biểu tượng được làm bằng đá, gỗ đất sét hoặc tượng kim loại và sẽ trở nên một *murti* (ảnh tượng) - trung tâm của sự thờ phượng. Người Bàlamôn dường như đã phục hồi những nghi lễ và thay đổi thái độ của họ đối với hình ảnh.

Nguyên nhân nội sinh cho sự thay đổi từ truyền thống phi thánh tượng đến thánh tượng là một hình thức mới của thuyết hữu thần Hindu, hình thức này bắt đầu hình thành và làm thay đổi những nền tảng tôn giáo xa xưa. Những người đề xuất cho thuyết hữu thần Hindu

mới đã cổ vũ một truyền thống *Bhakti* “*Bhakti - phương cách sùng bái một hiện thân, hình ảnh, danh xưng, hoặc một sự nhân cách hóa nào đó của vị thần được con người yêu mến*”. Truyền thống *Bhakti* dựa vào lòng mộ đạo như một phương cách cứu rỗi. Sự xuất hiện của *Bhakti* sau này với nhu cầu cần những đối tượng cụ thể thể hiện lòng thành kính, đây chính là nguồn gốc thúc đẩy việc thờ phượng ảnh tượng [Noel Salmond, 2004: 18]. Quan điểm *Bhakti* bắt đầu hình thành vào giai đoạn hậu Vệ đà, những năm của các sử thi, các Puranas và được cho là đóng vai trò căn bản trong sự chuyển tiếp từ Vệ đà giáo thành Hindu giáo. Trong sử thi Mahabharata, Ramayana và các Puranas, người ta đề cao hai vị thần Vishnu và Shiva như những vị thần ưu việt. Theo những bản văn này, các vị thần cao nhất dù là Shiva hay Vishnu đều có hai phương thức hiện hữu đối nghịch nhau: biểu lộ và không biểu lộ, hữu hình và vô hình. Trước đây, các bản văn Vệ đà đặc biệt là các Upanishads cố gắng miêu tả một Đấng Siêu việt vượt lên trên mọi giới hạn thế gian, đó là Brahma. Đấng Siêu việt vô thủy vô chung, bất biến, hiện hữu mọi nơi. Những vị thần cổ xưa vốn được miêu tả trước đây trong các nghi lễ Vệ đà như thần lửa Agni và thần sấm Indra đều bị giáng cấp. Trái với Brahma, những vị thần này là hữu hạn. Mặc dù, họ có thể trội vượt con người về sức mạnh, sống lâu và cư ngụ trên trời, nhưng họ vẫn là một phần của vòng hiện sinh. Chỉ có Brahma tồn tại ngoài vòng vũ trụ.

Khi các Puranas và sử thi đề cao Vishnu và Shiva, họ đã kết hợp cả hai truyền thống Vệ đà và Upanishads. Họ vừa đồng hóa Vishnu và Shiva như Brahma nhưng vẫn tồn tại và hành động trong thế giới. Sự xích lại gần giữa con người và thần thánh làm nền tảng cho sự phát triển ảnh tượng. Bởi vì các vị thần được cho là mang hình thức thể lý nên con người có thể nhìn thấy họ. Sự nối kết giữa tính siêu việt thần linh và tính dễ tiếp cận tạo ra một cơ sở thuyết phục cho nghi lễ thờ phượng hình ảnh vật chất. Từ hóa thân thần linh đến các ảnh tượng không phải là một bước quá dài. Quan niệm Hindu về các hóa thân cũng cho rằng khả năng hữu hình của các vị thần trong những hình thức có thể nhìn thấy với con người. Trong *Parama Samhita*, vị thần Vishnu đã khẳng định:

“Thần chỉ có thể được thờ phượng trong hình thức được hiển hiện. Không có việc thờ phượng một đấng mà không có những hình thức biểu hiện... Có những hình ảnh biểu hiện Vishnu cho các mục đích

ngghi lễ. Con người nên xây dựng Đấng Bất diệt trong hình dáng con người và thờ phượng Ngài với lòng thành kính tột cùng". [Parama Samhita 3.3].

Vì vậy, một hình ảnh khắc họa Vishnu trong hình thức nhân dạng hữu hạn phải được hiểu là sự tượng trưng cho ngài như một Đấng Bất diệt. Ngoài ra, trong các sử thi và Puranas, chúng ta thấy thuật lại vô số cảnh mà ở đó ai may mắn có thể nhìn thấy các vị thần trong những hình dáng khác nhau [Lewis R. Lancaster, 1977: 329-340]. Trong giai đoạn Purana, người ta đã xây dựng đền thờ giữ hình ảnh và biểu tượng của các vị thần để thờ phượng. Thay vì thờ phượng thần linh trong những yếu tố tự nhiên như lửa, gió, sông ngòi... trong cây cỏ, động vật hay trong hình ảnh của đá, mô đất... người ta thờ phượng các vị thần trong hình ảnh nhân dạng hiện diện trong các đền thờ. Hindu giáo phát triển một loạt những học thuyết lý giải quá trình hình thành hình ảnh tượng trưng cho các vị thần. Người ta cho rằng các vị thần hiện diện trong ảnh tượng hay tạm thời hiện diện trong tranh ảnh khi tín đồ thờ phượng. Hình ảnh cho dù được hiểu như sự hiện diện của vị thần hay sự biểu hiện theo nghĩa đen của vị thần, đã trở nên một phần quan trọng trong việc thờ phượng. Điều này, được giải thích bởi quan điểm *Darshana (Chiêm bái)*. Hình ảnh có thể giúp cho các tín đồ gọi lại những sự kiện trong cuộc đời của các vị thần, các địa điểm đặc biệt khắp Ấn Độ đã trở thành địa điểm hành hương [Robin Rinehart, 2004: 49 - 50].

2. Vai trò của ảnh tượng trong Hindu giáo

Trong phần lời tựa cuốn Từ điển biểu tượng (Dictionary of symbolism), Hans Biedermann có trích dẫn lời của nhà nghiên cứu biểu tượng người Đức - Manfred Lurker:

“Đối với những người trong tôn giáo, biểu tượng là một sự việc cụ thể mà qua đó quan điểm thần thánh và tuyệt đối hiện diện khắp nơi được thể hiện theo cách rõ ràng hơn ngôn từ... biểu tượng bày tỏ mối liên kết không bị phá vỡ giữa Đấng Sáng tạo và tạo vật”. [Hans Biedermann, 1992: IX].

Cho dù, một biểu tượng được làm từ đá, gỗ, kim loại hay được vẽ trên vải, giấy... nó đều thiêng liêng đối với các tín đồ vì biểu tượng tượng trưng cho Thần Thánh, nó đại diện cho điều gì đó mà ngài đang nắm giữ linh thiêng và vĩnh cửu. Nếu nói, biểu tượng là hạt nhân cơ

bản của văn hóa thì hạt nhân này càng được thể hiện rõ nét trong lĩnh vực tôn giáo. Clifford Geertz đã định nghĩa tôn giáo là “một hệ thống các biểu tượng” [Clifford Geertz, 1993: 90]. Trong Hindu giáo, vai trò đầu tiên của ảnh tượng là cầu nối giữa cộng đồng và cá nhân. Biểu tượng trở thành ngôn ngữ cao siêu và thiêng liêng, được dùng như là phương tiện truyền bá tôn giáo. Hindu giáo có các tục lệ và biểu tượng riêng để thể hiện những chức năng, khía cạnh và phạm vi năng lực của các vị thần trong hệ thống chư thần. Những nghi lễ trong Hindu giáo là khía cạnh động của một hệ thống biểu tượng. Đúng như quan điểm của nhà xã hội học Emile Durkheim khi ông chỉ ra rằng, hệ thống biểu tượng trong tôn giáo bao gồm ba khía cạnh. Khía cạnh thứ nhất là cá nhân; khía cạnh thứ hai là cộng đồng và khía cạnh thứ ba là biểu tượng. Biểu tượng tượng trưng cho sự thiêng liêng và trung gian giữa cộng đồng và cá nhân. Nó là “điểm hội tụ”, là “máng trung chuyển” tư tưởng triết lý của con người, là phương pháp thuận lợi vừa làm sáng tỏ nhận thức vừa tạo ra nhận thức [Emile Durkheim, 1995: 231].

Đại sư Swami Vivekananda, vị tu sĩ Hindu giáo có sức ảnh hưởng lớn nhất của trường phái triết học Vedanta, đã phát biểu trong mỗi tôn giáo có ba phần: triết học, thần thoại và nghi lễ. Triết học là yếu tố cần thiết của mỗi tôn giáo. Các tôn giáo qua thời gian đều cố gắng xây dựng và bồi đắp thêm hệ thống triết học của mình. Thần thoại có vai trò giải thích và minh họa bằng nhiều hay ít những câu chuyện mang tính truyền thuyết, truyện kể và truyện ngụ ngôn. Nghi lễ mang lại cho triết học một mô thức rõ ràng để có thể thấu hiểu. Nghi lễ cụ thể hóa triết học. Việc này là rất cần thiết trong mỗi tôn giáo, bởi vì chúng ta không dễ hiểu được những tư tưởng thiêng liêng trừu tượng cho đến khi chúng ta đã có những phát triển nhất định về mặt tâm thức tôn giáo. Biểu tượng lại là phần không thể thiếu, là sự hỗ trợ rất quan trọng của những nghi lễ. Trong một thế giới linh thiêng huyền ảo như Hindu giáo, hình ảnh biểu tượng sẽ giúp con người đến gần hơn với chân lý, đến gần hơn những tư tưởng triết học cao sâu [Swami Vivekananda, 1960: 70].

Trong tư tưởng Hindu giáo, triết gia Ananda K. Coomaraswamy xem biểu tượng là nghệ thuật suy nghĩ bằng hình ảnh, truyền tải tư tưởng bằng hình ảnh. Còn đối với I. K. Taimni trong tác phẩm *An Introduction to Hindu symbolism*, biểu tượng là nghệ thuật trình bày những tư tưởng, quan điểm... thông qua những dấu hiệu hay hình ảnh.

Biểu tượng Hindu là nghệ thuật bởi vì có sự trợ giúp của các chân lý triết học và tôn giáo được trình bày thông qua các hình thức, dấu hiệu và câu chuyện. Và bởi vì biểu tượng là nghệ thuật, không phải là khoa học, nên chúng được lựa chọn không dựa trên một nền tảng khoa học nhưng với một quan niệm truyền đạt đến mọi người những tư tưởng cơ bản theo cách dễ dàng và hiệu quả nhất. Vì vậy, việc nghiên cứu biểu tượng hầu như là vấn đề giải thích dựa trên những quan điểm triết học và tôn giáo chứ không phải là những cuộc điều tra mang tính khoa học. Điều quan trọng về biểu tượng Hindu không phải là ý nghĩa chính xác về mọi thứ, nhưng là mọi thứ có một ý nghĩa và tầm quan trọng sâu sắc liên quan đến đời sống tinh thần [I. K. Taimni, 1980: 11].

Biểu tượng trong tôn giáo không chỉ là phương tiện truyền đạt thông tin, mà còn hàm chứa một sự chuyển tải đầy xúc động, không chung chung trong giá trị cảm xúc và tri thức. Chỉ cần biết những biểu tượng được sử dụng trong Hindu giáo và ý nghĩa của biểu tượng, chúng ta có thể cảm nhận và biết về tôn giáo này. Người Hindu sử dụng rất nhiều biểu tượng với những mục đích và ở những địa điểm khác nhau. Mọi thứ được bày tỏ qua các biểu tượng. Chính những bản văn thánh cũng đã khẳng định điều này:

“Một cái trán không có Tilaka như một người phụ nữ không có chồng, như một mantra không được hiểu, như cái đầu không cúi chào người lớn tuổi và những vị thánh, như một trái tim không hạnh phúc, như một ngôi làng không có đền thờ, như một đất nước không dòng sông... như một bông hoa không có mùi thơm, như một cánh đồng không có những cơn mưa, như một môn đồ không có thầy ngoan đạo”. [Shrikant Prasoon, 2009: 230].

Không chỉ là trung gian giữa cộng đồng và cá nhân, biểu tượng còn là trung gian giữa con người và Đấng Siêu việt. Triết lý Upanishad của Hindu giáo phân biệt hai sự hiểu biết của con người là Hạ trí hay Hạ tầng (Apara Vidya) và Thượng trí hay Minh giác siêu việt (Para Vidya). *“Người phải có minh giác hai trùng... là minh giác siêu việt và minh giác hạ tầng... Hạ tầng là Rig Vê Đà, Yajur Vê Đà, Sama Vê Đà, Atharva Vê Đà, phép tụng niệm... Rồi đến cái siêu việt làm cho cái bất di dịch được tri lượng”* [Shri Aurobindo, 2009: 257]. Hạ trí cho con người biết về sự vật hữu hình, thượng trí là cái biết về bất diệt. Cái biết về bất diệt đó chính là cái biết về Thực tại Tối cao Brahma. Lý trí con người nhỏ bé chỉ có thể nhận thức được thế giới sự

vật hữu hình, còn những gì cao siêu, bao la, vượt khỏi không gian và thời gian, cái huyền nhiệm của thế giới vô hình, trí năng không thể vén được bức màn bí ẩn đó. Trong nền triết học phương Tây, Immanuel Kant cũng đã phân biệt thế giới khả giác và thế giới khả niệm. Trong tác phẩm *Phê phán lý tính thuần túy*, ông đã chỉ ra giới hạn của lý trí con người. Con người không thể dùng lý trí thuần túy để tự nắm bắt tri thức siêu hình. Vậy làm sao để có thể đối thoại, gặp gỡ với Thượng đế. Giữa con người với Thượng đế cần có một trung gian. Trung gian đó có thể là vấn đề luân lý và sinh hoạt đạo đức theo quan điểm của Kant. Trung gian đó có thể là một con người lịch sử như Đức Phật, Chúa Giêsu, Muhammad, hay Vishnu hiện thân trong Krishna... Và trung gian đó còn được cụ thể hóa nơi những biểu tượng tôn giáo. Nó có thể là một nghi thức, tranh ảnh hay dấu ấn nào đó.

Biểu tượng trở thành nhịp cầu nối giữa con người và Thượng đế. Mỗi biểu tượng trong Hindu giáo là hiện thân của chính các vị thần. Trong Hindu giáo, việc thờ cúng các biểu tượng, việc tụng niệm (*mantra*) và các họa đồ yantra có tầm quan trọng tột cùng. Các biểu tượng được tôn thờ giúp tín đồ Hindu thiết lập, bày tỏ và củng cố mối quan hệ giữa họ với các vị thần. Các biểu tượng không phải là sản phẩm của trí tưởng tượng nhàn rỗi hay do tác động từ chất uống có men *soma*, một loại đồ uống trong các nghi lễ cổ xưa, nhưng chúng được soi rọi từ con tim của các tín đồ luôn khao khát đến cùng Đấng Tuyệt đối. Con người không thể nào tưởng tượng, không thể nào gọi tên và cũng không thể miêu tả Đấng Tuyệt đối. Để thuận tiện cho việc cầu nguyện trước Ngài, người ta cho Ngài một tên gọi có thể là Brahma, Isana, Đấng Tuyệt đối... Để dễ dàng chiêm niệm ngài, người ta suy tưởng về một Đấng Tuyệt đối, nhân hình hóa và khắc họa Ngài. Những gì con người sáng tạo về hình thức của thần thánh là sự cố gắng nhằm tiếp cận được với đấng hiện hữu đằng sau những hình thức ấy.

Trong các nghi lễ thờ phượng, biểu tượng là chỗ dựa, là điểm tựa cho sự tập trung đối với những người mới nhập đạo hay cho tâm trí trẻ em, cho những người không biết chữ. Nhiều người Ấn không biết chữ nhưng họ có thể giải thích cả một câu chuyện tôn giáo từ những biểu tượng. Biểu tượng là rất cần thiết để tập trung tâm trí. Thật không dễ dàng để tâm trí tập trung lâu dài vào Đấng Tuyệt đối. Tâm trí chúng ta

giống như một kính vạn hoa của ý nghĩ, trong sự chuyển động liên tục. Phải làm sao đóng đôi mắt tinh thần trước mọi thứ khác và chỉ tập trung vào một suy nghĩ duy nhất. Tâm trí con người cần một cột trụ để dựa vào. Đại sư Swami Sivananda đã nói “*Một tâm trí bình dân cần một biểu tượng cụ thể làm điểm tựa và một tâm trí tinh tế thì cần một biểu tượng trừu tượng. Ngay cả một bậc thầy trong Vedanta cũng cần biểu tượng OM² để khắc phục tâm trí lang thang*” [Sri Swami Sivananda, 1997: 79]. Nếu không có sự giúp sức từ bên ngoài, tâm trí không thể nào tập trung được. Tập trung và suy niệm không thể được nếu không có biểu tượng. Việc thờ phượng ảnh tượng sẽ có những tác động đến tín đồ, tâm trí của họ sẽ được thanh lọc nhờ hành động thờ phượng các tranh ảnh biểu tượng.

Ở chiều hướng ngược lại, biểu tượng cũng chính là nhịp cầu nối giữa Thượng đế và con người. Khi con người thực hiện một nghi lễ, tôn thờ một biểu tượng, một tranh ảnh... thì họ đang tôn thờ chính đáng biểu hiện qua tranh ảnh đó. Hindu giáo đã sử dụng những mô thức trong thế giới khả giác để biểu trưng cho cái siêu hình và dẫn con người vào một mối quan hệ với cái vượt xa hơn. Hindu giáo quan niệm thần thánh có cả các yếu tố siêu việt và nội tại. Đấng Siêu việt ngự trong nơi ở thiêng liêng của ngài và cũng hiện diện trong trái tim của tất cả mọi người. Thế giới Đấng Siêu việt có thể biểu hiện trong các hình ảnh, cũng có thể trong con người và những địa điểm thiêng liêng. Thần thánh không chỉ hiện diện qua các hóa thân (*avatar*) mà còn trong những biểu tượng vật chất. Nếu một người tranh luận với một tín đồ Hindu rằng, thần thánh vô hạn không thể bị giam hãm trong những yếu tố vật chất, người đó sẽ nhận được câu trả lời rằng Đấng Siêu việt có thể làm bất cứ điều gì Ngài muốn, phủ nhận khả năng biểu hiện của Ngài trong thế giới vật chất là phủ nhận quyền vô hạn của Ngài. Câu trả lời này cũng giống như câu trả lời của Neils Bohr “*Đừng bảo Thượng đế phải làm gì*” dành cho câu nói của Albert Einstein “*Thượng đế không chơi trò xúc xắc*”.

Triết gia Sri Ramakrishna đã phân ra ba cấp độ của sùng đạo. Bậc thấp nhất cho rằng Thượng đế ở trên trời. Bậc trung quan niệm Thượng đế ngự trong tim. Còn bậc cao nhất tin tất cả vạn vật đều là phản ảnh của Thượng đế [Mahendra Nath Gupta, 1912: 343]. Thượng đế tràn ngập trong mọi thứ và do đó Ngài tồn tại trong mọi sinh vật và sự vật “*Đấng Chí tôn tiềm ẩn trong mọi vật, thâm nhập vào tất cả, ngự*

trong tất cả, là linh hồn của tất cả”. Tuy nhiên, vị triết gia này diễn giải thêm sự hiện diện của Thượng đế được cụ thể hóa ở năm trạng thái: (i) ở trạng thái siêu nhiên; (ii) trong hiện thân của mình; (iii) trong trung tâm hay bản ngã của mỗi cá thể; (iv) là sức mạnh chi phối trong lòng vũ trụ; và (v) trong những ảnh tượng thiêng liêng (*murti*) [Kim Knott, 2011: 75]. Srila A. C. Bhaktivedanta Swami Prabhupada cũng đã có một cách giải thích loại suy thú vị về những biểu tượng thiêng liêng. Theo ông, giống như những hộp thư trên đường, nếu chúng ta bỏ những lá thư của chúng ta vào đó, chúng sẽ tự nhiên chuyển đến những địa điểm được ghi không có khó khăn gì. Nhưng một cái hộp thư đã bị bỏ đi hay một cái hộp giống như hộp thư mà không được ủy quyền bởi bưu điện thì sẽ không thể chuyển những lá thư đi được. Tương tự, Thượng đế có những sự biểu hiện được ủy quyền trong hình thức thần linh, biểu tượng là một trong những trạng thái được ủy quyền đó. Nó được gọi là *archa-vigraha* (hình thức thờ phượng). *Archa-vigraha* là một hóa thân của Đấng Siêu việt. Thượng đế sẽ chấp nhận nghi lễ thông qua hình thức này. Thượng đế có quyền năng vô hạn, do đó, qua hóa thân của ngài là *archa-vigraha*, ngài có thể đón nhận lễ của các tín đồ [A. Bhaktivedanta Swami Prabhupada, 1989: 616-617].

Tuy nhiên, cần hiểu rằng, theo những lời dạy của Hindu giáo, bất kỳ một hình ảnh nào chẳng hạn một bức tượng mà nó biểu tượng cho khía cạnh này hay khía cạnh kia của thần linh, thì chỉ được xem như một “chỗ dựa”, một điểm chỉ dẫn tham khảo để suy niệm. Do đó, nó chỉ đơn giản là một phương tiện không hơn, đúng như lời Heinrich Zimmer đã nhận xét “biểu tượng giữ cho tâm trí con người đeo bám chân lý nhưng bản thân chúng không phải chân lý” [Heinrich Zimmer, 2006: 12]. Khi nghiên cứu về biểu tượng Hindu giáo, Rene Guenon đã thuật lại một bản văn Vệ đà đã thực hiện một so sánh, làm sáng tỏ hết sức rõ ràng chức năng của các biểu tượng và của những hình thức bên ngoài nói chung: những hình thức này giống như con ngựa cho phép con người đi một chuyến hành trình nhanh hơn và ít khó khăn hơn so với đi bộ bằng đôi chân. Rõ ràng, nếu người ấy không có con ngựa để dùng, mặc cho mọi sự, anh ta cũng có thể đến đích nhưng với rất nhiều gian khó. Nếu anh ta có thể sử dụng một con ngựa, nhưng anh ta lại từ chối với lý do nó không đáng tin cậy hơn các phương tiện khác, thì đó sẽ là một lỗi lầm. Đó là cách mà những kẻ gièm pha biểu tượng

hay dùng. Mặc dù, việc thực hiện chuyển hành trình bằng chân chưa bao giờ là điều hoàn toàn không thể, tuy nhiên, nó sẽ rất dài và gian nan. Do đó, những nghi lễ và biểu tượng, chúng không cần thiết theo cách tuyệt đối nhưng chúng dường như không thể thiếu bởi sự thuận tiện và thiết thực dựa trên tình cảnh của bản chất con người [Rene Guenon, 1995: 14].

Cũng chính vì vậy, việc thờ phượng các biểu tượng không bao giờ được xem là thờ phượng ngẫu tượng. Biểu tượng chỉ là phương tiện như đại sư Swami Vivekananda khẳng định “Nơi đâu bản thân Brahman là vật thể của việc thờ phượng, *Pratīka* (hình thức hay hình dáng bên ngoài) chỉ là một sự thay thế hay một gợi ý về ngài” [Swami Vivekananda, 1893: 60]. Biểu tượng chỉ là một sự biểu thị của Thượng đế. *Pratīka* có thể ở bên trong như tư tưởng, sự hiểu biết hay linh hồn của người thờ phượng và *Pratīka* cũng có thể ở bên ngoài như huyền âm OM, lửa, chữ Vạn (*svastika*)³ ... Thượng Đế thì hiện diện trong mọi vật. Mọi vật đều có thể dùng trong việc thờ phượng. Không có gì là sai trái khi thờ phượng các biểu tượng. Nhà nghiên cứu nghệ thuật B. Rowland viết “Không có gì là đúng sai với sùng bái thần tượng ngay trong nghĩa hẹp, bởi vì việc thờ phượng chưa bao giờ dành cho hình ảnh của đá hay đồng, nhưng dành cho cái mà hình ảnh đại diện. Hình ảnh trong ngôn ngữ không giống như một sự phản ánh thần thánh” [Benjamin Rowland, 1970: 28]. Người thờ phượng không chiêm ngưỡng một hòn đá hay một mảnh giấy nhưng họ nhận ra sự hiện diện của vị thần qua các biểu tượng. Họ đặt vị thần và những khía cạnh của vị thần lên trên biểu tượng. Nhà sử học Ravi Varma khẳng định:

*“Đối với tín đồ, một *vigraha* không phải là một ‘hình ảnh’ của Thiên Chúa, nhưng là một ‘sự tượng trưng mang tính biểu tượng’ của một Đấng Tuyệt đối vô danh, vô hình, vô chất, những phẩm chất của ngài được thêm vào... để hợp với những phẩm chất tự nhiên và những khuynh hướng của người thờ phượng (*sadhaka*), để cho phép anh nhìn nhận và suy ngẫm về Đấng Tuyệt đối”.* [Haridas Bhattacharyya, 1936: 453]

Sri Swami Sivananda cho rằng thờ phượng biểu tượng chỉ là cấp độ thứ ba của thờ phượng “Cấp độ cao nhất là tự nhận thức. Thứ hai là chiêm niệm về Đấng Tuyệt đối. Thứ ba là thờ phượng các biểu tượng.

Thứ tư là thực hành các nghi lễ và hành hương đến những vùng đất thánh” [Swami Sivananda, 1997: 84]. Còn theo như Swami Vivekananda “Thờ phượng tranh ảnh hay sử dụng tranh ảnh tượng trưng cho ý tưởng là bước đầu tiên; sau đó lặp lại danh thánh và hát vinh danh thần linh; bước tiếp theo là thờ phượng bằng tâm trí và cuối cùng cảm thấy và nhận thức rằng ta chính là Ngài” [Swami Vivekananda, 1893: 61]. Từ những quan điểm trên có thể thấy rằng, các tín đồ Hindu không dừng lại ở việc thờ phượng biểu tượng nhưng thông qua biểu tượng, họ còn muốn đạt đến những cung bậc cao hơn của việc thờ phượng. Nhà nghiên cứu nghệ thuật Hindu giáo đã có nhận xét thật xác đáng về vai trò biểu tượng trong Hindu giáo:

“Là để tượng trưng cho một vài khía cạnh nền tảng của vũ trụ mà các giác quan của ta không thể nhận thức được, và hành động như một ẩn dụ làm cho các tín đồ tôn giáo nhận thức dễ dàng chân lý. Về cơ bản, hình ảnh được dùng để mạc khải thần tính cho con người... và để trợ giúp người thờ phượng tập trung qua việc cung cấp một tâm điểm cho các tín đồ”. [Heather Elgood, 1999: 27].

Kết luận

Trải qua thời gian dài với nhiều thăng trầm, niềm tin và truyền thống Hindu giáo được duy trì bền bỉ trong đời sống của người dân Ấn Độ là nhờ sự phát triển của cả một kho tàng ảnh tượng. Ảnh tượng không chỉ là nhịp cầu nối giữa con người với thần linh, mà còn là “máng trung chuyển” những tư tưởng cao siêu của các thế hệ triết gia, hiền sĩ Hindu đến với người dân. Ngôn ngữ siêu hình đã được thể hiện bằng ngôn ngữ biểu tượng, ngôn ngữ thị giác. Bất kỳ ai khi nghiên cứu đời sống của tín đồ Hindu giáo đều kinh ngạc bởi sự pha trộn kỳ lạ giữa ba yếu tố chân lý triết học, huyền thoại và lễ nghi tôn giáo trong các biểu tượng thiêng liêng. Cách thể hiện tư tưởng tôn giáo và triết học thông qua các ảnh tượng không phải là đặc điểm riêng của tôn giáo này, nó đã được thực hiện từ xa xưa ở nhiều tôn giáo, nhưng có lẽ chưa bao giờ được thực hiện trên một diện rộng và ăn sâu vào đời sống như trong Hindu giáo. Trong quá trình tìm hiểu biểu tượng của Hindu giáo, mọi người sẽ khám phá ý nghĩa sâu xa hơn về truyền thống Hindu thực sự, cái ẩn sâu sau những gì chỉ biểu lộ ở bề mặt. Hơn nữa, thiếu chìa khóa biểu tượng, chúng ta dễ có cái nhìn phiến diện, sai lệch về những thực hành tôn

giáo và sinh hoạt xã hội của tín đồ Hindu xoay quanh việc thờ kính các biểu tượng. Hiểu thấu triết lý ẩn sâu trong từng hình ảnh biểu tượng Hindu giáo không chỉ mở ra việc nhìn nhận đúng giá trị độc đáo của một trong những di sản văn hóa lâu đời, phong phú và sống động của loài người, mà còn giúp hiểu hơn về sự giao thoa và tiếp biến văn hóa Ấn Độ ở các nước trong khu vực./.

CHÚ THÍCH:

1. Thời kỳ Chalcolithic – Đồng Đá: giai đoạn chuyển tiếp từ đồ đá sang đồ đồng.
2. Huyền âm OM hay AUM là biểu tượng cho tôn giáo Hindu, biểu trưng cho Brahman – Atman và Ba Ngôi Tối Linh (Brahma – Vishnu - Shiva), bên cạnh đó đây cũng là một mantra tụng niệm
3. Biểu tượng chữ Vạn (svastika) không chỉ mang một ý nghĩa tốt lành mà còn là biểu tượng gắn với thần Mặt trời Surya, Vishnu, Ganesha, Lakshmi... Trong văn hóa Hindu, chữ Vạn thường được vẽ với bốn dấu chấm nằm giữa bốn cánh tay. Đó chính là biểu tượng của bốn mục đích sống: đạo pháp (Dharma), tài sản (Artha), lạc thú (Kama) và giải thoát (Moksha) và bốn giai đoạn đời người của một tín đồ Hindu: độc thân (Brahmacharya), chủ hộ (Garhasthya), hưu trí (Vanaprastha) và lánh đời (Sanyasa).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bhaktivedanta Swami Prabhupada (1989), *Bhagavad-Gita as it is* (Chí Tôn Ca nguyên nghĩa), Bhaktivedanta Book Trust.
2. Ananda K. Coomaraswamy (1927), *History of Indian and Indonesian art* (Lịch sử của nghệ thuật Ấn Độ và Indonesia), Dover Publications.
3. Benjamin Rowland (1970), *The art and architecture of India: Buddhist, Hindu, Jain* (Nghệ thuật và kiến trúc của Ấn Độ: Phật giáo, Hindu giáo và Jain giáo), Penguin Books.
4. Clifford Geertz (1993), *The interpretation of cultures: selected essays* (Diễn giải các văn hoá: tuyển tập tiểu luận), Fontana Press.
5. Diana L. Eck (1981), *Darsan: seeing the divine image in India* (Darsan: chiêm bái tranh ảnh thánh ở Ấn Độ), Anima Books.
6. Emile Durkheim (1995), *The elementary forms of religious life* (Các hình thức cơ bản của đời sống tôn giáo), The Free Press.
7. Gregory L. Possehl (2002), *The Indus Civilization A Contemporary Perspective* (Văn minh sông Ấn: Một quan niệm đương đại), AltaMira Press.
8. Hans Biedermann (1992), *Dictionary of symbolism* (Từ điển biểu tượng), Facts On File, Inc.

9. Haridas Bhattacharyya (1936), The cultural heritage of India (Di sản văn hoá Ấn Độ), vol IV, Calcutta.
10. Heather Elgood (2000), Hinduism and the religious arts (Hindu giáo và nghệ thuật tôn giáo), Cassell.
11. Heinrich Zimmer (2006), Triết học Ấn Độ - một cách tiếp cận mới, Nxb Văn hóa Thông tin.
12. K. Taimni (1980), An introduction to Hindu symbolism (Nhập môn biểu tượng Hindu giáo), The Theosophical Publishing House Adyar.
13. Lewis R. Lancaster (1977), Prajnaparamita and related systems: studies in honor (Bát Nhã và hệ thống liên quan: những nghiên cứu tôn vinh), University of California.
14. Mahendra Nath Gupta (1912), The gospel of Sri Ramakrishna (Phúc âm của Đức Ramakrishna), San Francisco Vedanta Society.
15. Noel Salmond (2004), Hindu iconoclasts (Bài trừ biểu tượng Hindu giáo), Wilfrid Laurier University Press.
16. Omesh K. Chopra (2020), History of Ancient India Revisited, A Vedic-Puranic View (Nhìn lại lịch sử Ấn Độ cổ đại – một quan điểm Vệ đà – Purana), Bluerose Publishers Pvt. Ltd.
17. Phyllis Granoff, Koichi Shinohara (2004), Images in Asian religions (Ảnh tượng và các tôn giáo châu Á), British Columbia Press.
18. Rene Guenon (1995), Fundamental symbols: the universal language of sacred science (Những biểu tượng cơ bản: ngôn ngữ phổ phát của khoa học thiêng liêng). Quinta Essentia.
19. Robin Rinehart (2004), Contemporary Hinduism (Hindu giáo đương đại), ABC-CLIO.
20. Shri Aurobindo (2009), Áo nghĩa thư Upanishads, Nxb Văn hóa Thông tin.
21. Shrikant Prasoan (2009), Hinduism-clarified and simplified (Hindu giáo rõ ràng và giản đơn), V&S Publisher.
22. Sri Swami Sivananda (1997), Hindu fasts and festivals (Chay tịnh và lễ hội Hindu giáo), A Divine Life Society Publication.
23. Swami Vivekananda (1893), The complete works of Swami Vivekananda (Tác phẩm hoàn chỉnh của Swami Vivekananda), III, Chicago.
24. Swami Vivekananda (1960), Karma Yoga. Advaita Ashrama.
25. Yuvraj Krishan (1996), Religions of the silk road, Munshiram Manoharlal Publishers.

Abstract**THE WORSHIP OF SYMBOLS IN HINDUISM****Truong Phuc Hai***Nguyen Tat Thanh University, VNU-Ho Chi Minh City*

The beliefs of Hinduism, the forms of worship, the diversity of rituals, and the customs are nurtured and developed harmoniously through a timeless system of numerous symbols. Symbols convey meanings of a reality that is deeper and more nuanced than spoken words or written text. As one delves deeper into the realm of spirituality, symbols become increasingly significant. Symbols are indeed the language of religion. Hindu religious symbols include both aniconic (non-human form) and iconic (human or deity form) representations. Aniconic symbols are simple representations without the human form, used as substitutes for the images of deities in worship. This is just a small part of the Hindu symbol system, yet they have appeared very early on and were used to represent the presence of deities in the early stages of underdeveloped iconography. Depending on the sect and the symbol, worship rituals may vary, but generally, they include three steps: contemplating the symbol, worshiping (including offering rituals), and receiving blessings from the rituals. The symbols of Hinduism serve as the language of the heart, connecting individuals with the Divine, acting as a bridge between the individual and the community, and providing a gateway to perceive the landscape of spiritual life and the cultural values of this religion. Understanding the worship process of the symbol in Hinduism will help us transcend language barriers to better understand the culture and people of India.

Key words: Hinduism, Veda, symbol, murti.